

ĐẶC ĐIỂM TÌNH DỤC NHÓM NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI TẠI KHÁNH HÒA VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Xuân Huy¹, Đoàn Phước Thuộc², Nguyễn Đình Sơn³,

Đỗ Thái Hùng⁴, Viên Quang Mai⁴, Nguyễn Thành Đông⁴, Nguyễn Đình Lượng⁴

(1) Nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế, chuyên ngành Y tế công cộng

(2) Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế

(3) Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế

(4) Viện Pasteur Nha Trang

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu: Phân tích hành vi tình dục và các yếu tố liên quan ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) tại tỉnh Khánh Hòa. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang kết hợp định tính, chọn mẫu cụm - thời gian ở 6 huyện của tỉnh Khánh Hòa năm 2015. Phỏng vấn định lượng 428 MSM, 15 cuộc phỏng vấn sâu và 3 cuộc thảo luận nhóm. **Kết quả:** 50% MSM ở Khánh Hòa nhận thức mình thuộc giới tính “nam”. Đa số MSM thuộc nhóm “bóng kín”. Xu hướng tình dục hiện tại chủ yếu là đồng giới nam (64,7%). Có 61,7% MSM có quan hệ tình dục (QHTD) với bạn tình nam trong vòng 1 tháng qua. Tỷ lệ MSM có QHTD với bạn tình nam để nhận tiền chiếm 11,7%. Có 15,6% MSM có QHTD với phụ nữ bán dâm (PNBD) 12 tháng qua, trong đó 63,6% sử dụng BCS thường xuyên. **Kết luận:** Có 67% đối tượng QHTD lần đầu tiên với bạn tình là nam giới. Tỷ lệ MSM có QHTD lần đầu với phụ nữ mại dâm 2,8%. Tỷ lệ MSM có QHTD với bạn tình nam để nhận tiền chiếm 11,7%. Có 15,6% MSM có QHTD với PNBD trong 12 tháng qua, trong đó tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên là 63,6%.

Từ khóa: Nam quan hệ tình dục đồng giới, đặc điểm tình dục, Khánh Hòa.

Abstract

SEXUAL CHARACTERISTIC AND RELATED FACTORS AMONG MEN WHO HAVE SEX WITH MEN IN KHANH HOA PROVINCE

Le Xuan Huy¹, Doan Phuoc Thuoc², Nguyen Dinh Son³,

Do Thai Hung⁴, Vien Quang Mai⁴, Nguyen Thanh Dong⁴, Nguyen Dinh Luong⁴

(1) PhD Students of Hue University of Medicine and Pharmacy - Hue University

(2) Hue University of Medicine and Pharmacy - Hue University

(3) Thua Thien Hue Preventive Medicine Centre

(4) Nha Trang Pasteur Institute, Viet Nam

Background: Our study aims to analysis sexual behavior and related factors among MSM population in Khanh Hoa province. **Methods:** We did a cross-sectional study in six districts of Khanh Hoa province in 2015. A total of 428 MSM were selected using TLS-time location cluster sampling methods. Data were collected through face-to-face interviews with 428 MSM and 15 in-depth interviews and 3 focus group discussions. **Results:** This study indicates that 50% of respondents reported that they were self-identified gay men. Most of MSM admitted that they were “Bong kin”. Existing sexual orientation was mainly homosexual (64.7%). 11.7% of MSM had sex with male partners for seeking money. In addition to, 15.6% of MSM have had sex with female sex worker during the past 12 month, of which 63.6 % of MSM had regularly used condoms. **Conclusions:** There was 67% of MSM had sexual intercourse with a male partner in the fist time. The percentage of MSM who have had sexual intercourse with a female sex worker in the first time, at 2.8%. This percentage in the last 12 months was 15.6%, of which the proportion of consistent condom use was 63.6%.

Key words: Men who have sex with men, sexual characteristic, Khanh Hoa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nam quan hệ tình dục đồng giới (Men who have sex with men- MSM) là những người nam giới có quan hệ tình dục (QHTD) với những người nam khác, bất kể họ có quan hệ tình dục với phụ nữ hay không hoặc có những nhân dạng cá nhân hay nhân dạng xã hội liên quan tới hành vi đó, như là “Gay” hoặc “Lưỡng tính” [2], [6]. Quan hệ tình dục với nhiều bạn tình thuộc cả hai giới và không sử dụng bao cao su (BCS) khi quan hệ tình dục là hai hành vi nguy cơ điển hình trong nhóm MSM. Qua nhiều nghiên cứu đánh giá cho thấy, đa số MSM có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV đó là do quan hệ tình dục qua hậu môn không sử dụng bao cao su hoặc sử dụng bao cao su không thường xuyên. Hành vi này nếu không sử dụng các biện pháp bảo vệ, có nguy cơ lây nhiễm HIV cao cho người “Nhận” và cũng tương đối nguy hiểm với người “Cho”. Bên cạnh đó, một số MSM còn tham gia cả hoạt động mại dâm (cả mua lẫn bán), quan hệ tình dục cả với nữ bán dâm và nam bán dâm [5].

Cho dù con số có thể khác nhau giữa các quốc gia và các khu vực, nhưng ít nhất 5-10% các ca nhiễm HIV trên toàn thế giới là do quan hệ tình dục đồng giới nam [5]. Ở Việt Nam, kết quả báo cáo giám sát trọng điểm lồng ghép các câu hỏi hành vi (IBBS) năm 2011 tại 5 tỉnh cho thấy, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM cao ở một số tỉnh như TP Hồ Chí Minh (14%), Hà Nội (6.7%), An Giang (3%). Theo kết quả giám sát trọng điểm nhóm MSM năm 2013 ở 16 tỉnh cho thấy, tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm MSM là 3,3%, cao hơn so với năm 2012 (2,3%) [1]. Phần lớn MSM tham gia nghiên cứu có quan hệ tình dục qua đường hậu môn ở độ tuổi dưới 25 tuổi (86,2%), chỉ có 7,9% có quan hệ tình dục lần đầu ở độ tuổi từ 25 đến dưới 30 tuổi và 6% ở độ tuổi từ 30 tuổi trở lên [7].

Xác định các chiến lược để khuyến khích MSM tham gia các hoạt động dự phòng, chăm sóc và điều trị sẽ có vai trò rất lớn trong việc dự phòng lây nhiễm HIV trong nhóm MSM và từ nhóm này ra cộng đồng dân cư. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu can thiệp cho nhóm MSM: Giảm tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm người nam quan hệ tình dục đồng giới đạt dưới 10% vào năm 2015 và khống chế tỷ lệ này đến năm 2020. Tuy nhiên, MSM là một quần thể ẩn với các xu hướng tình dục phức tạp và tỷ lệ hiện nhiễm cao nhưng số liệu hiện có còn hạn chế và hiện tại Quốc gia chưa ban hành hướng dẫn triển khai các can thiệp trên nhóm MSM. Vì vậy, nghiên cứu về MSM là định hướng ưu tiên cho các nghiên cứu về HIV tại Việt Nam trong thời gian tới [4].

Tại Khánh Hòa, mặc dù đã có một số nghiên cứu cơ bản về nhóm MSM, nhưng các nghiên cứu này chưa phản ánh một cách đầy đủ về các đặc điểm, xu hướng tình dục của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới, các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm MSM.

Từ thực tế trên, chúng tôi tiến hành đề tài “Nghiên cứu đặc điểm tình dục của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và các yếu tố liên quan” nhằm xác định đặc điểm tình dục của nhóm MSM tại Khánh Hòa và phân tích các yếu tố liên quan đến hành vi tình dục của nhóm MSM. Kết quả của đề tài góp phần cung cấp số liệu cho tỉnh Khánh Hòa trong việc xây dựng kế hoạch can thiệp cũng như góp phần lấp khoảng trống số liệu và bổ sung các thông tin hữu ích cho quốc gia trong việc phát triển hướng dẫn can thiệp cho nhóm MSM.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Nam có quan hệ tình dục đồng giới với các tiêu chí lựa chọn: Đã từng QHTD đồng giới (qua đường miệng hoặc hậu môn) ít nhất một lần trong 12 tháng vừa qua tính từ thời điểm điều tra; Có tuổi đời từ 16 tuổi trở lên và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang kết hợp nghiên cứu định tính. Nghiên cứu định tính được tiến hành sau nghiên cứu định lượng nhằm khai thác thông tin về đặc điểm môi trường xã hội, văn hóa và hành vi của đối tượng, nhằm mục đích lý giải, bổ sung các thông tin về các mối quan hệ giữa các biến số trong nghiên cứu định lượng.

2.3. Thời gian nghiên cứu: tiến hành trong 1 năm (từ tháng 1-12/2015).

2.4. Địa điểm nghiên cứu: được triển khai tại tỉnh Khánh Hòa, bao gồm 6 huyện, thị xã, thành phố: Nha Trang, Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Lâm và Cam Ranh.

2.5. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: 428 đối tượng được tuyển chọn phỏng vấn định lượng. Phương pháp nghiên cứu định lượng: sử dụng phương pháp chọn mẫu cụm-thời gian, nghiên cứu định tính với 15 cuộc phỏng vấn sâu và 3 cuộc thảo luận nhóm (mỗi cuộc thảo luận nhóm gồm 7-8 MSM).

2.6. Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn định lượng bằng bộ câu hỏi có cấu trúc được thiết kế sẵn theo nội dung để đạt được các mục tiêu. Phỏng vấn định tính bằng bộ câu hỏi bán cấu trúc, có ghi âm phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

2.7. Xử lý, phân tích số liệu và khống chế sai số

Số liệu định lượng được nhập và quản lý bằng phần mềm Epi-data 3.1, phân tích bằng phần mềm

SPSS 16.0. Số lượng, tỷ lệ phần trăm được sử dụng cho phân tích mô tả các đặc điểm tình dục. Hồi qui logistic và giá trị tỷ số chênh OR, trị số p và khoảng tin cậy 95% được sử dụng nhằm phân tích các đặc điểm liên quan đến hành vi tình dục của nhóm MSM. Số liệu định tính được được gỡ bằng ra các file bản words, và được mã hóa phân tích theo các chủ đề. Để hạn chế sai số khi thu thập thông tin và nhập liệu, tiến hành một số biện pháp: Xây dựng bộ câu hỏi chuẩn xác, tham khảo ý kiến chuyên gia và địa phương. Lựa chọn các nghiên cứu viên có kỹ năng, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, ưu tiên cán bộ đã từng tham gia các nghiên cứu trước đây trong lĩnh vực này, có tinh thần trách nhiệm cao. Thử nghiệm bộ câu hỏi trước khi áp dụng chính thức tại thực địa. Giám sát chặt chẽ thu thập số liệu, thông tin ở thực địa.

2.8. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu này phù hợp với quy định của Pháp luật và được sự đồng ý của chính quyền tại địa bàn điều tra. Nghiên cứu được sự chấp thuận hội đồng đạo đức của trường Đại học Y Dược Huế. Các đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện, đồng ý tham gia nghiên cứu và được đảm bảo bí mật. Kết quả nghiên cứu chỉ được sử dụng để xây dựng kế hoạch can thiệp dự phòng HIV cho nhóm MSM.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm nhân khẩu học - xã hội học của đối tượng nghiên cứu

Kết quả phân tích mô tả cho biết độ tuổi trung bình của 428 đối tượng tham gia nghiên cứu là 24,7 tuổi, trong đó đối tượng nghiên cứu ở huyện Vạn Ninh có độ tuổi trung bình trẻ nhất 20,8 tuổi. Nhóm tuổi 16-30 tuổi chiếm đa số (81,5%) và cũng là nhóm chiếm chủ yếu ở tất cả các địa bàn phỏng vấn. Gần 28% MSM có trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học và đa phần là họ chưa có gia đình (86,4%).

Kết quả nghiên cứu cũng cho biết, MSM ở Khánh Hòa có nghề nghiệp khá đa dạng (làm nông (2,6%), nhân viên nhà nước (2,8%), nhân viên phục vụ (21,5%), nhân viên bán hàng (5,4%), kinh doanh buôn bán (7,2%), sinh viên (22,2%), nghề tự do (7,2%), thất nghiệp (12,4%), khác (29%) và chỉ có 1 trong số 428 đối tượng (chiếm 0,2%) công khai mình làm nghề bán dâm. Khoảng 40% MSM ở Khánh Hòa trong nghiên cứu này sống và sinh hoạt ở TP. Nha Trang.

3.2. Đặc điểm tình dục của MSM Khánh Hòa

3.2.1. Công khai và nhận dạng xu hướng/ khuynh hướng tình dục

Bảng 1. Công khai, nhận dạng xu hướng tình dục

Đặc điểm	Tổng (n=428)
Thời điểm công khai xu hướng tình dục	
<i>Dưới 16 tuổi</i>	54 (12,6%)
<i>Từ 16 -25 tuổi</i>	246 (57,5%)
<i>Trên 25 tuổi</i>	16 (3,7%)
<i>Không công khai</i>	112 (26,2%)
Tự nhận mình là	
<i>Bóng lộ</i>	34 (7,9%)
<i>Bóng kín</i>	352 (82,2%)
<i>Đàn ông</i>	40 (9,4%)
<i>Khác</i>	2 (0,5%)
Tự nhận xu hướng tình dục hiện tại	
<i>Đồng giới nam</i>	277 (64,7%)
<i>Khác giới</i>	28 (6,5%)
<i>Cả nam và nữ</i>	122 (28,5%)
<i>Khác</i>	1 (0,3%)
Tự nhận xu hướng tình dục tương lai	
<i>Đồng giới nam</i>	261 (60,9%)
<i>Khác giới</i>	33 (7,7%)
<i>Cả nam và nữ</i>	122 (28,5%)
<i>Khác</i>	12 (2,8%)

Có 2/3 đối tượng công khai xu hướng tình dục, trong đó có 57,5% đối tượng công khai ở thời điểm 16-25 tuổi. Đa phần MSM ở Khánh Hòa tự nhận mình thuộc nhóm Bóng kín (82,2%) và 7,9% cho mình là Bóng lộ. Khoảng 65% cho biết hiện tại họ có xu hướng tình dục đồng giới nam, 28,5% cho rằng họ thuộc về cả hai giới nam và nữ và 6,5% cho rằng hiện tại họ có xu hướng tình dục với người khác giới. Nhìn chung, các đối tượng cho rằng khuynh hướng tình dục trong tương lai của họ không khác nhiều so với khuynh hướng tình dục hiện tại.

3.2.2. Nhận thức giới tính, bản dạng giới

Kết quả điều tra cho thấy có 1/2 MSM ở Khánh Hòa nhận thức rằng giới tính hiện tại của họ là “Nam”, khoảng 1/4 cho rằng họ thuộc giới tính “Nữ”, gần 1/5 cho rằng họ thuộc giới tính là cả nam và nữ và khoảng 8% đối tượng không xác định được giới tính của mình.

Tại thời điểm MSM dưới 16 tuổi, có 50% MSM nhận thức giới tính của mình là “Nam”, 17,3% nhận thức là “Nữ”, 7,5% cho rằng là cả nam và nữ và có 25,2% đối tượng vẫn chưa nhận thức được mình thuộc giới tính nào khi họ dưới 16 tuổi.

Khi được hỏi về nhận thức giới tính của bản thân trong tương lai, có 43,2% đối tượng cho rằng giới tính của họ sẽ là “Nam”, 25,2% cho rằng giới tính sẽ là “Nữ”, 19,4% cho rằng sẽ thuộc về cả giới nam và nữ và 12,2% không xác định được giới tính của mình trong tương lai.

Kết quả phỏng vấn định tính cũng cho biết thêm về suy nghĩ về những trải nghiệm của MSM trong quá trình công khai xu hướng tình dục và bản dạng giới:

(Từ lớp 10 (16 tuổi) em thấy có sự hấp dẫn với bạn nam, khi nhìn thấy bạn đẹp trai thì đã hấp dẫn rồi nhưng chưa nghĩ bản thân là MSM. Hiện nay chỉ có bạn bè biết, còn hàng xóm và gia đình không biết”- MSM ở Nha Trang, lao động tự do, 40 tuổi).

(Năm 18 tuổi ấn tượng với bạn nam là lớp trưởng. 25 tuổi thì có vợ, con. Ly hôn vợ năm 42 tuổi do vợ phát hiện mình là bóng”- MSM ở Ninh Hòa, chủ quán cà phê, 46 tuổi).

(Ngay từ lớp 5 em chỉ thích chơi với nam. Còn bây giờ em thích cả nam và nữ”- MSM ở huyện Diên Khánh, sinh viên, 18 tuổi).

3.2.3. Các loại bạn tình và hành vi tình dục

Tuổi quan hệ tình dục trung bình lần đầu tiên của MSM Khánh Hòa là 27,5 tuổi. Có 73,8% MSM cho biết họ chưa hề quan hệ tình dục khi dưới 16 tuổi. Trong lần quan hệ tình dục lần đầu tiên, có 67% đối tượng cho biết bạn tình của họ là nam giới, gần 30%

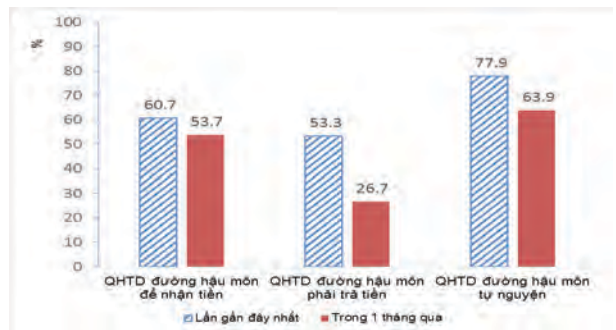
bạn tình là vợ/bạn gái, 2,8% bạn tình là phụ nữ bán dâm, 0,5% (2/428) bạn tình là nam bán dâm. Tại thời điểm phỏng vấn, 55,6% đối tượng cho biết họ chỉ có hành vi tình dục với bạn tình nam, 15,2% cho biết họ quan hệ với bạn tình nam nhiều hơn nữ, 17,5% quan hệ tình dục với bạn tình nữ nhiều hơn bạn tình nam, 8,9% có quan hệ với bạn tình nam và nữ ngang bằng nhau và 2,8% nam quan hệ tình dục đồng giới chỉ quan hệ với bạn tình nữ.

Có 61,7% nam quan hệ tình dục đồng giới có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong vòng 1 tháng qua. Trong số này, có 52% đối tượng chỉ QHTD với 1 bạn tình, gần 40% QHTD với 2-4 bạn tình, 3,6% có QHTD với 5-9 bạn tình và đáng lo ngại có 5/264 (1,8%) MSM có QHTD nhiều hơn 10 bạn tình trong vòng 1 tháng qua.

Có 11,7% MSM có QHTD với bạn tình nam để nhận tiền trong 1 tháng qua, có 6,1% MSM có hành vi QHTD với bạn tình nam nhưng họ phải trả tiền và có tới 95,4% MSM khai báo họ có QHTD tự nguyện với bất kỳ bạn tình nam trong vòng 1 tháng qua. Kết quả phỏng vấn sâu, nhiều MSM chia sẻ trải nghiệm của mình về bạn tình và hành vi tình dục:

(Em QHTD lần đầu với bạn nữ, sau đó đã được bạn nam hướng dẫn từ đó nghiêng về phía nam nhiều hơn và về lâu dài thích bạn tình nam hơn. Phần lớn các bạn tình nam đều phải trả tiền, còn nếu gặp “người yêu” thì miễn phí”- MSM ở huyện Diên Khánh, nghề cắt tóc, 40 tuổi)

(Lần đầu tiên quan hệ tình dục lúc 20 tuổi và với bạn nam đến với nhau tự nguyện. Bản thân em thì muốn thỏa mãn nhu cầu chỉ tìm 1 đàn ông đích thực thôi, không muốn nhiều người vì em là nữ. Số lần quan hệ tình dục trong tuần không cố định, có khi 1 lần, 2 lần hoặc 3-4 lần trong tuần. Mỗi lần quan hệ như vậy đều sử dụng chất bôi trơn”- MSM ở huyện Cam Lâm, làm quán rượu, 35 tuổi)



Biểu đồ 1. Tỷ lệ có sử dụng bao cao su khi QHTD với bạn tình nam qua đường hậu môn trong lần gần đây nhất và trong 1 tháng qua phân theo mục đích QHTD

Biểu đồ 1 cho thấy trong lần quan hệ tình dục với bạn tình nam gần đây nhất qua đường hậu môn, có 60,7% MSM có sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với bạn tình nam để nhận tiền, 53,3% MSM có sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với bạn tình nam phải trả tiền và 77,9% MSM có sử dụng bao cao

su khi quan hệ tình dục với bạn tình nam tự nguyện. Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên (tất cả các lần) khi QHTD đường hậu môn trong 1 tháng qua đối với bạn tình nam để nhận tiền là 53,7%, đối với bạn tình nam phải trả tiền là 26,7% và đối với bạn tình nam tự nguyện là 63,9%.

Bảng 2. Các loại bạn tình và sử dụng bao cao su với các loại bạn tình trong 12 tháng qua

Đặc điểm		n	Tỷ lệ (%)
Trong 12 tháng qua có QHTD đường âm đạo hoặc hậu môn với bất kỳ phụ nữ nào	Có	141	32,9
	Không	287	67,1
Trong 12 tháng qua có QHTD đường âm đạo hoặc hậu môn với phụ nữ bán dâm (PNBD)	Có	67	15,6
	Không	361	84,4
Sử dụng bao cao su khi QHTD đường âm đạo hoặc hậu môn với PNBD trong 12 tháng qua	Tất cả các lần	14	63,6
	Đa số các lần	6	27,4
	Đôi khi	1	4,5
	Không bao giờ	1	4,5
Sử dụng bao cao su khi QHTD hậu môn với bạn tình nam trong 12 tháng qua	Tất cả các lần	254	59,4
	Đa số các lần	74	17,1
	Đôi khi	46	10,9
	Không bao giờ	54	12,6
Sử dụng chất bôi trơn khi QHTD hậu môn với bạn tình nam trong 12 tháng qua	Có	226	52,8
	Không	200	46,7
	Không nhớ	2	0,5

Có khoảng hơn 1/3 đối tượng có QHTD với phụ nữ trong 12 tháng qua; trong số này chỉ có 22/428 (5,1%) có QHTD với phụ nữ bán dâm, tỷ lệ sử dụng bao cao su ở tất cả các lần QHTD với phụ nữ bán dâm ở MSM là 63,6%. Đối với QHTD bạn tình nam

qua đường hậu môn, tỷ lệ MSM có sử dụng bao cao su trong tất cả các lần QHTD đạt 59,4% và tỷ lệ sử dụng chất bôi trơn chiếm 52,8%.

3.4. Một số yếu tố liên quan đến hành vi QHTD với bạn tình nam qua đường hậu môn

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến hành vi QHTD qua đường hậu môn với bạn tình

Yếu tố		QHTD với bạn tình nam qua đường hậu môn 12 tháng qua (%)		OR (KTC 95%)	P
		Có	Không		
Tuổi	<25 tuổi	294 (73,5)	106 (26,5)	2,1 (0,7-4,2)	0,14
	≥25 tuổi*	17 (60,7)	11 (39,3)		
Đã từng lập gia đình với một người phụ nữ	Có	45 (11,2)	355 (88,8)	1,1 (0,2-2,1)	0,29
	Không*	5 (17,8)	23 (82,2)		
Tự nhận mình thuộc nhóm	Bóng kín	336 (91,3)	32 (8,7)	14 (1,7-14,1)	<0,001
	Đàn ông*	16 (66,7)	8 (33,3)		
Xu hướng tình dục hiện tại	Đồng giới nam	266 (92,7)	21 (7,3)	8,0 (2,3-25,3)	<0,001
	Khác giới*	11 (61,1)	7 (38,9)		
Xu hướng tình dục hiện tại	Cả nam và nữ	112 (84,2)	21 (15,8)	3,7 (1,1-12,2)	0,01
	Khác giới*	10 (58,8)	7 (41,2)		
Nhận thực giới tính	Là nam	200 (50,0)	200 (50,0)	1,8 (0,7-4,4)	0,14
	Khác nam*	10 (35,7)	18 (64,3)		

*** Nhóm so sánh**

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa hành vi QHTD qua đường hậu môn trong 12 tháng qua với nhận thức về nhóm và xu hướng tình dục. Những MSM cho mình thuộc nhóm bóng kín và có xu hướng tình dục đồng giới nam hoặc cả nam và nữ thì có khả năng có hành vi QHTD qua đường hậu môn cao hơn so với các nhóm tương ứng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm hành vi tình dục của nhóm MSM

Nhìn chung MSM ở Khánh Hòa có độ tuổi tương đương với độ tuổi của MSM ở các tỉnh/ thành phố trong điều tra hành vi lồng ghép các chỉ số sinh học năm 2009 như Hà Nội, Quảng Ninh, Nghệ An, Yên Bái, Lào Cai, Điện Biên. Tỷ lệ MSM ở Khánh Hòa đã kết hôn cũng tương đồng với MSM ở Hà Nội, TP.HCM và Cần Thơ [7]. Mặc dù sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn tồn tại, nhưng so với những năm về trước, xu hướng công khai tình dục trong nhóm MSM đã được cởi mở. Điều này cho thấy MSM ở Khánh Hòa đang dần tìm được tiếng nói riêng cho công đồng chung của họ và bằng chứng là đã có 2/3 đối tượng MSM trong nghiên cứu này mạnh dạn công khai xu hướng tình dục của mình. Đa đa số đối tượng cho rằng mình thuộc nhóm Bóng kín và thường tụ tập, sinh hoạt nhóm ở TP. Nha Trang nhiều hơn ở các địa bàn khác.

Có 1/2 đối tượng nhận thực giới tính hiện tại của họ là nam và 1/2 còn lại cho rằng bản thân họ thuộc về giới tính nữ hoặc cả nam cả nữ và một số ít thì không xác định được giới tính của bản thân mình. Hơn 2/3 đối tượng cho rằng họ đang có xu hướng tình dục đồng giới nam. Khi được phỏng vấn sâu, nhiều MSM nhận mình là “nam” và bị hấp dẫn về tình dục bởi “nữ”. Điều này là phù hợp vì trong cuộc sống đời thường, những người khác giới thường có sự hấp dẫn tình dục với nhau. Những đối tượng thường nhận mình là nam thì thường có ham muốn tình dục với nữ và ngược lại. Khi được hỏi về khuynh hướng tình dục trong tương lai, nhiều MSM nghĩ rằng khuynh hướng của họ sẽ không khác nhiều so với khuynh hướng tình dục hiện tại.

Tình dục đồng giới nam thường là QHTD qua hậu môn. Hành vi này nếu không sử dụng các biện pháp bảo vệ sẽ có nguy cơ lây nhiễm HIV cao cho người “nhận” và cũng tương đối nguy hiểm đối với người “cho”. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ thường xuyên sử dụng bao cao su khi QHTD đường hậu môn với bạn tình nam để nhận tiền trong lần gần đây cũng tương

đương với tỷ lệ thường xuyên sử dụng bao cao su (BCS) khi QHTD với bạn tình nam chung trong vòng 12 tháng qua, đều chiếm khoảng 60%. So sánh với điều tra IBBS ở vòng II năm 2009 và một số nghiên cứu có thiết kế và quần thể MSM tương tự thì tỷ lệ này khá tương đồng [7], Tỷ lệ sử dụng bao cao su cũng mới chỉ đạt khoảng 50% đối tượng nghiên cứu có sử dụng bao cao su khi QHTD với bạn tình nam phải trả tiền. Có 22 MSM có QHTD với phụ nữ bán dâm chiếm 5% trong tổng số đối tượng nghiên cứu, trong số này chỉ có 14 MSM có sử dụng bao cao su thường xuyên khi quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm. Có nhiều lý do dẫn đến MSM không thường xuyên dùng BCS khi QHTD như: không có sẵn bao cao su, giảm cảm giác, tin tưởng vào bạn tình khỏe mạnh, bạn tình không muốn dùng, cảm thấy ngại khi mua bao cao. Một số MSM chia sẻ, trước kia có các dự án tài trợ nên họ có nguồn bao cao su dồi dào, còn bây giờ cũng hạn chế do dự án không còn hỗ trợ nhiều và chỉ có khoảng 40% MSM cho biết họ có nhận được bao cao su miễn phí trong vòng 6 tháng qua. Điều này cho thấy sự cần thiết cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cũng như giáo dục MSM nâng cao nhận thức về hành vi sử dụng bao cao su khi QHTD để phòng tránh lây nhiễm HIV cho bản thân, cho bạn tình và cho cộng đồng.

4.2. Phân tích các yếu tố liên quan đến hành vi tình dục của MSM

Kết quả phân tích các yếu tố liên giữa hành vi QHTD bằng đường hậu môn trong 12 tháng qua với các yếu tố nhân khẩu, xã hội học, các yếu tố nhận thực về giới và xu hướng tình dục của đối tượng cho thấy: Những nam quan hệ tình dục đồng giới tự cho mình thuộc nhóm bóng kín thì có hành vi QHTD bằng đường hậu môn cao hơn so với các nhóm khác. Nhìn chung, MSM ở Khánh Hòa thuộc nhóm bóng kín chiếm đa số, điều này cũng tương đồng với MSM ở các tỉnh thành khác về sự nhận thức nhóm [7]. Nhận thức về xu hướng tình dục hiện tại đối với những MSM cho rằng mình là đồng giới nam thì có hành vi QHTD với bạn tình nam qua đường hậu môn cao hơn so với nhóm MSM nhận thức xu hướng tình dục là khác giới hay cả nam và nữ. Nghiên cứu HAVN tại TP HCM năm 2010 và nghiên cứu của Nguyễn Phương Hoa năm 2011 cũng cho kết quả tương tự, khuynh hướng tình dục dị tính có tác dụng làm giảm hành vi nguy cơ QHTD qua đường hậu môn không bảo vệ [3]. Những người có khuynh hướng tình dục dị tính tham gia bán dâm vì tiền, hành vi tình dục họ chấp nhận thường là QHTD đường miệng-sinh dục với khách hàng, QHTD qua

đường hậu môn không phổ biến mặc dù họ QHTD vì tiền, trong nghiên cứu của chúng tôi khoảng 60% đối tượng cho biết có QHTD đường miệng với bạn tình nam trong 1 tháng qua.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Có 50% MSM ở Khánh Hòa nhận thức mình thuộc giới tính “nam”. Đại đa số đối tượng nghiên cứu tự nhận bản thân thuộc nhóm “bóng kín”. Có 67% đối tượng QHTD lần đầu tiên với bạn tình là nam giới. Tỷ lệ MSM có QHTD lần đầu với phụ nữ mại dâm 2,8%. Đại đa số MSM có QHTD với bạn tình nam tự nguyện. Tỷ lệ MSM có QHTD với bạn tình nam để nhận tiền chiếm 11,7%. Có 15,6% MSM có

QHTD với PNBD trong 12 tháng qua, trong đó tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên là 63,6%. Khoảng 1/2 MSM có dùng chất bôi trơn khi QHTD với bạn tình nam. MSM tự nhận thực mình thuộc giới tính “nam” và có xu hướng tình dục hiện tại là “đồng giới nam” thì có khả năng QHTD qua đường hậu môn nhiều hơn so với các nhóm khác.

Hoạt động phòng chống HIV/AIDS tại Khánh Hòa cần tiếp tục theo dõi các đặc điểm hành vi nguy cơ và xu hướng tình dục trong nhóm MSM để xây dựng kế hoạch can thiệp phù hợp cho từng giai đoạn. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hành sử dụng bao cao an toàn với các bạn tình khi QHTD cho nhóm MSM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục phòng chống HIV/AIDS (2014), *Báo cáo công tác phòng chống HIV/AIDS 6 tháng đầu năm 2014, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014 và định hướng 2015*, Hà Nội.

2. Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Vân Anh (2010), *Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và HIV: bộ công cụ hướng dẫn hành động*, Nhà xuất bản phụ nữ, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Phương Hoa (2014), *Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến lây nhiễm HIV và một số nhiễm trùng lây qua đường tình dục ở nhóm nam bán dâm đồng giới tại Hà Nội, 2009-2010*, Luận án tiến sĩ Y tế công cộng,

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Hà Nội.

4. Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược Quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*, Hà Nội.

5. UNAIDS (2006), *HIV ở nam giới có quan hệ tình dục đồng giới ở Châu Á- Thái Bình Dương*, Geneva.

6. UNAIDS (2009), *Khung hành động của UNAIDS về tiếp cận phổ quát đối với những nam quan hệ tình dục đồng giới và những người chuyển giới*, Geneva.

7. Viện vệ sinh Dịch tễ Trung ương (2011), *Kết quả giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI, vòng II-2009*, Hà Nội.